TOÀ ÁN ND HUYỆN VĨNH LỘC
TỈNH THANH HOÁ

Số: 52/2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Lộc, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh Chu Nại M - Sinh năm: 1988;

** Bị đơn*: Chị Lưu Thị H - Sinh năm: 1992;

Đều trú tại: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh T.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, khoản 3 Điều 13; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/6/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn, anh Chu Nại M và bị đơn, chị Lưu Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về hôn nhân:* Anh Chu Nại M và chị Lưu Thị H đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng thống nhất, thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau.

* *Về con chung:* Anh Chu Nại M và chị Lưu Thị H đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Chu Thị Quỳnh N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 10/7/2017; Hiện nay cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Anh Chu Nại M và chị Lưu Thị H đều có ý kiến chung thống nhất, là: Giao cháu Chu Thị Quỳnh N cho chị Lưu Thị H (mẹ đẻ cháu) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Chu Nại M có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng); Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 01/7/2023 cho đến khi cháu Chu Thị Quỳnh N thành niên (đủ 18 tuổi).

Hàng tháng, anh Chu Nại M phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Chu Thị Quỳnh N trực tiếp cho chị Lưu Thị H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh T; Hoặc nộp tiền qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh T.

Anh Chu Nại M có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh M thực hiện quyền này.

Anh Chu Nại M và chị Lưu Thị H đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* *Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác*: Anh Chu Nại M và chị Lưu Thị H đều có ý kiến chung và cùng thống nhất; Vợ chồng tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* Anh Chu Nại M và chị Lưu Thị H đều có ý kiến chung thống nhất, thỏa thuận; Anh Chu Nại M chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung, là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh M phải nộp, là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng anh M đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh T, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004880, ngày 02/6/2023. Anh Chu Nại M đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

Chị Lưu Thị H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã H,
huyện V, tỉnh T.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn